

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án “Đầu tư xây dựng công trình (giai đoạn 2) Khu kinh tế - quốc phòng Duyên Hải/Quân khu 5”

BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 68/2022/NĐ-CP ngày 22 tháng 9 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét đề nghị phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường đối với Dự án “Đầu tư xây dựng công trình (giai đoạn 2) Khu kinh tế - quốc phòng Duyên Hải/Quân khu 5” của Đoàn Kinh tế quốc phòng 516 tại Văn bản số 179/ĐKT- TMKH ngày 25 tháng 12 năm 2024 và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Môi trường.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án “Đầu tư xây dựng công trình (giai đoạn 2) Khu kinh tế - quốc phòng Duyên Hải/Quân khu 5” (sau đây gọi là Dự án) của Đoàn kinh tế quốc phòng 516 (sau đây gọi là Chủ dự án) được thực hiện tại tỉnh Bình Định và tỉnh Quảng Nam với các nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện quy định tại Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường và Điều 27 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm

2022 (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 9 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường).

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Đoàn Kinh tế quốc phòng 516;
- Bộ trưởng Đỗ Đức Duy (để báo cáo);
- UBND tỉnh Quảng Nam và Bình Định;
- Sở TN&MT tỉnh Quảng Nam và Bình Định;
- Lưu: VT, VPMC, MT, T_{cv}.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Lê Công Thành

CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN
“Đầu tư xây dựng công trình (giai đoạn 2) Khu kinh tế - quốc phòng
Duyên Hải/Quân khu 5”

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-BTNMT ngày tháng năm 2025
của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)

1. Thông tin về Dự án

1.1. Thông tin chung

- Tên dự án: Đầu tư xây dựng (ĐT XD) công trình (giai đoạn 2) Khu kinh tế - quốc phòng (KTQP) Duyên Hải/Quân khu 5.
- Địa điểm thực hiện: Đảo Cù Lao Chàm (xã Tân Hiệp), thành phố Hội An, tỉnh Quảng Nam; xã Tam Quang, huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam; Cù Lao Xanh (xã Nhơn Châu) thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.
- Chủ dự án: Đoàn Kinh tế quốc phòng 516.
- Địa chỉ liên hệ: Xã Tam Quang, huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam.

1.2. Phạm vi, quy mô, của Dự án

1.2.1. Phạm vi dự án

- Đầu tư xây dựng công trình (giai đoạn 2) khu KTQP Duyên Hải/QK5 theo Quyết định số 1952/QĐ-BQP ngày 31/5/2022 của Bộ Quốc phòng về việc phê duyệt chủ trương đầu tư Dự án và Quyết định số 2542/QĐ-BQP ngày 15/6/2023 của Bộ Quốc phòng về việc phê duyệt điều chỉnh chủ trương đầu tư Dự án. Tổng diện tích xây dựng của Dự án 0,69 ha được thực hiện trên 2 tỉnh Bình Định và Quảng Nam, gồm các hạng mục, công trình sau:

TT	Tên công trình	Vị trí địa lý
1	Xây dựng kè kết hợp đường giao thông từ cầu cảng đi âu thuyền thuộc xã Tân Hiệp (Cù Lao Chàm), thành phố Hội An, tỉnh Quảng Nam	+ Đầu kè: X (m):1765048,013; Y (m): 580562,411. + Cuối kè: X (m) :1765152,727; Y (m): 580381,493. (Hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 107°45' múi chiều 3°)
2	Xây dựng cây xăng dầu thuộc cảng Quân sự Kỳ Hà tại xã Tam Quang, huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam	X (m): 1711748,430; Y (m): 600280,239; (Hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 107°45' múi chiều 3°)
3	Xây dựng nhà ở chiến sĩ của Đoàn KTQP 516 tại xã Tam Quang, huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam	X (m): 1711493,766; Y (m): 600269,591; (Hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 107°45' múi chiều 3°)

TT	Tên công trình	Vị trí địa lý
4	Xây dựng nhà khách Đoàn KTQP 516 tại xã Tam Quang, huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam	X (m): 1711399,834; Y (m): 600593,776; (Hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 107°45' múi chiều 3°)
5	Nhà để xe Đoàn KTQP 516 xã Tam Quang, huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam	X (m): 1711399,834; Y (m): 600593,776; (Hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 107°45' múi chiều 3°)
6	Xây dựng nhà dân quân biển xã Tam Quang, huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam	X (m): 1710806,177; Y (m): 599870,996; (Hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 107°45' múi chiều 3°)
7	Sửa chữa nâng cấp Phòng khám đa khoa Quân dân y kết hợp tại xã Tân Hiệp, thành phố Hội An, tỉnh Quảng Nam	X (m): 1765219,616; Y (m): 580856,348; (Hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 107°45' múi chiều 3°)
8	Sửa chữa nâng cấp Trạm y tế tại xã Nhơn Châu, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định	X (m): 1505764,214; Y (m): 619350,883; (Hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 108°15' múi chiều 3°)

- Phạm vi đánh giá tác động môi trường được phê duyệt tại Quyết định này không bao gồm: Hoạt động giải phóng mặt bằng, đền bù, hỗ trợ tái định cư; hoạt động khai thác vật liệu phục vụ san nền, vật liệu xây dựng thi công các hạng mục công trình của Dự án.

1.2.2. Quy mô dự án

- Xây dựng kè kết hợp đường giao thông từ cầu cảng đi âu thuyền thuộc xã Tân Hiệp (Cù Lao Chàm), thành phố Hội An, tỉnh Quảng Nam (Công trình 1): Chiều dài 250 m trên tổng diện tích 0,32 ha.

- Xây dựng trạm xăng dầu thuộc cảng Quân sự Kỳ Hà tại xã Tam Quang, huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam (Công trình 2) quy mô 01 tầng trên tổng diện tích 0,051 ha, bao gồm: Nhà quản lý 01 tầng diện tích xây dựng 72 m²; trạm bơm xăng dầu diện tích xây dựng 90 m²; khu vệ sinh diện tích xây dựng 21,8 m²; công trình phụ trợ bao gồm hệ thống chống sét, hệ thống phòng chống cháy nổ.

- Xây dựng công trình nhà ở chiến sĩ của Đoàn KTQP 516 tại xã Tam Quang, huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam (Công trình 3) quy mô 01 tầng trên tổng diện tích 0,066 ha, diện tích xây dựng 257 m².

- Xây dựng nhà khách và nhà xe của Đoàn KTQP 516 tại xã Tam Quang, huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam (Công trình 4) trên tổng diện tích 0,146 ha, bao gồm: Nhà khách Đoàn KTQP 516 quy mô 02 tầng, diện tích sàn xây dựng tại mỗi tầng 273 m²; Nhà để xe Đoàn KTQP 516 quy mô 01 tầng, diện tích xây dựng 252 m².

- Xây dựng nhà dân quân biển xã Tam Quang, huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam (công trình 5) quy mô 02 tầng trên tổng diện tích 0,022 ha, diện tích sàn xây

dựng tại mỗi tầng 180 m².

+ Sửa chữa nâng cấp Phòng khám đa khoa quân dân y kết hợp xã Tân Hiệp, thành phố Hội An, tỉnh Quảng Nam với quy mô 02 tầng (Công trình 6) trên tổng diện tích 0,11 ha, bao gồm: nhà điều trị và phẫu thuật diện tích xây dựng 242 m², khu ở và bếp diện tích xây dựng 175 m².

+ Sửa chữa nâng cấp Trạm y tế xã Nhơn Châu, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định quy mô 01 tầng (Công trình 7) trên tổng diện tích 274,5 m², bao gồm: Nhà phẫu thuật diện tích 60 m², nhà hành chính và điều trị diện tích 115 m², nhà ở công vụ diện tích 75 m².

1.3. Các hạng mục công trình và hoạt động của dự án

1.3.1. Các hạng mục công trình chính:

1.3.1.1. Đầu tư xây dựng công trình cơ sở hạ tầng kè kết hợp với đường giao thông cầu cảng đi âu thuyền xã Tân Hiệp. Tổng chiều dài tuyến kè 250 m; điểm đầu tại Km 0 + 0,00 tiếp giáp với tuyến đường đã xây dựng tại cầu cảng; điểm cuối tại Km 0+250 tiếp giáp với âu thuyền. Đường giao thông trên kè bố trí bề rộng mặt đường 5 m; kết cấu bằng bê tông M250 dày 30 cm bố trí độ dốc nghiêng 2% về mương thu nước có kích thước 30 x 50 cm bằng bê tông cốt thép. Móng chân khay được xếp giạt cấp bằng rọ đá kích thước 2 x 1 x 1 (m) từ cao trình -2,0 m đến + 0,0 m. Chân khay là khối BT đúc sẵn M400, có kích thước L x B x H = 2 x 1,5 x 2 (m) đặt phía sau móng rọ đá, cao trình đỉnh chân khay +0,55 m, cao trình đáy chân khay -1,65 m. Mái đào đổ đá lõi kè m = 1,5.

1.3.1.2. Xây dựng trạm xăng dầu thuộc cảng Quân sự Kỳ Hà tại xã Tam Quang, huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam, bao gồm: Nhà quản lý diện tích 60 m²; trạm bơm xăng, dầu diện tích 90 m²; sân bê tông diện tích 326 m², hệ thống phòng cháy chữa cháy, chống sét; bồn chứa xăng dầu gồm 04 bồn dung tích 20 m³/bồn. Bồn được đặt cố định trong bể ngầm 148 m³ bằng bê tông cốt thép, xung quanh chèn cát san lấp, bên trên đổ bê tông dày 100 mm; bể nước phòng cháy chữa cháy (PCCC) dung tích 72 m³ kết cấu bê tông cốt thép.

1.3.1.3. Xây dựng nhà ở chiến sĩ quy mô 01 tầng, chiều cao 5,4 m, gồm: 09 phòng ở, hành lang xung quanh diện tích sử dụng 257 m²; sân bê tông 360 m², bồn hoa 44,5 m².

1.3.1.4. Xây dựng nhà khách và nhà xe của Đoàn KTQP 516:

- Nhà khách Đoàn KTQP quy mô 02 tầng diện tích mỗi tầng 273 m², chiều cao 9,6 m; mỗi tầng gồm các gian phòng ở có phòng vệ sinh khép kín; sân bê tông 352 m²; bồn hoa 09 m²;

- Nhà để xe Đoàn KTQP quy mô 01 tầng diện tích sử dụng 252 m², chiều cao 5,9 m, bao gồm: Khu để xe ô tô và xe máy; sân bê tông diện tích 284 m².

1.3.1.5. Xây dựng nhà dân quân biển xã Tam Quang huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam quy mô 02 tầng diện tích sàn xây dựng mỗi tầng là 180 m², chiều cao 9,8 m; mỗi tầng có các gian phòng ở của dân quân tự vệ có phòng vệ sinh khép kín; phòng khách; phòng họp giao ban; hành lang; bồn hoa phía trước 40 m².

1.3.1.6. Sửa chữa nâng cấp Phòng khám đa khoa quân dân Y kết hợp xã Tân Hiệp (Cù Lao Chàm) thành phố Hội An bao gồm: Sân đường nội bộ 233 m²; nhà điều trị và phẫu thuật quy mô 02 tầng, diện tích xây dựng 242 m², diện tích sử dụng 484 m²; khu nhà ở và bếp quy mô 01 tầng, diện tích xây dựng 175 m²; khu hành lang giữa cấp IV, diện tích xây dựng 133 m².

1.3.1.7. Sửa chữa nâng cấp Trạm y tế xã Nhơn Châu (Cù Lao Xanh) thành phố Quy Nhơn gồm: Sân đường nội bộ toàn khu, diện tích xây dựng 125 m²; nhà hành chính, điều trị quy mô 01 tầng, diện tích xây dựng 115 m²; nhà ở công vụ quy mô 01 tầng, diện tích xây dựng 75 m²; nhà phẫu thuật quy mô 01 tầng, diện tích xây dựng 60 m²; nhà kho quy mô 01 tầng, diện tích xây dựng 17,5 m²; hành lang nối các nhà diện tích 07 m²; tường rào chiều dài 60 m cao 2,0 m.

1.3.2. Các hạng mục công trình phụ trợ:

Khu lán trại phục vụ thi công và chứa vật tư phục vụ thi công tại công trình kè kết hợp đường giao thông diện tích 200 m².

1.3.3. Các hạng mục công trình bảo vệ môi trường

1.3.3.1. Hệ thống thu gom và thoát nước mưa

Hệ thống các mương thoát nước kết cấu bê tông bố trí quanh mỗi công trình thu gom nước mưa chảy tràn đổ vào hệ thống thoát nước mưa chung của Đoàn KTQP 516 theo nguyên tắc tự chảy.

1.3.3.2. Hệ thống thu gom, thoát nước thải

- Hệ thống thu gom thoát nước thải thiết kế theo nguyên tắc tự chảy riêng biệt với hệ thống thoát nước mưa.

- Nước thải sinh hoạt của từng công trình trong Dự án được thu gom vào các bể chứa nước thải có dung tích 5 m³, định kỳ chuyển giao cho đơn vị chức năng vận chuyển, xử lý theo quy định.

- Nước thải xây dựng được lắng cặn tại 01 hồ lắng/công trình, kích thước B x L x H = 2,0 x 1,5 x 1,2 (m) và tận dụng làm nước tưới đường trong quá trình thi công và làm ẩm vật liệu trước khi thi công, không thải ra ngoài môi trường.

1.3.3.3. Thu gom rác thải

Bố trí tại 07 công trình mỗi công trình 02 thùng chứa đựng rác loại 50 lít (01 thùng rác hữu cơ; 01 thùng rác vô cơ); định kỳ chuyển giao cho đơn vị chức năng vận chuyển, xử lý theo quy định.

1.4. Các hoạt động của Dự án

1.4.1 Giai đoạn chuẩn bị, thi công xây dựng

- Hoạt động dọn dẹp mặt bằng, phá dỡ công trình hiện trạng, san nền và đầu tư xây dựng các hạng mục công trình của Dự án.

- Hoạt động của máy móc, thiết bị thi công cơ giới.

- Hoạt động thi công xây dựng các hạng mục công trình nhà, các hạng mục công trình hạ tầng kỹ thuật của Dự án.

- Sinh hoạt của công nhân thi công xây dựng tại Dự án.

1.4.2. Giai đoạn vận hành

- Hoạt động sinh hoạt của cán bộ chiến sĩ và công nhân viên trong Dự án.
- Hoạt động khám chữa bệnh của các trạm Y tế.
- Hoạt động vận hành các công trình hạ tầng kỹ thuật của Dự án.

1.5. Các yếu tố nhạy cảm về môi trường

Dự án có nhu cầu chuyển đổi mục đích 0,085 ha đất và 0,24 ha mặt nước tại khu bảo tồn biển Cù Lao Chàm, là yếu tố nhạy cảm về môi trường theo quy định tại khoản 4 Điều 25 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, được sửa đổi, bổ sung tại khoản 6 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ (sau đây viết tắt là Nghị định số 05/2025/NĐ-CP).

2. Hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư có khả năng tác động xấu đến môi trường

2.1. Giai đoạn chuẩn bị, thi công xây dựng

Hoạt động dọn dẹp mặt bằng, san nền, thi công các hạng mục công trình; vận chuyển nguyên vật liệu và hoạt động sinh hoạt của công nhân thi công phát sinh tiếng ồn, bụi, khí thải, nước thải sinh hoạt, nước mưa chảy tràn, chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại, ảnh hưởng đến hoạt động giao thông đường bộ, đường thủy, hoạt động khám chữa bệnh, hoạt động của Đoàn KTQP 516, tai nạn lao động, tai nạn giao thông, cháy, nổ.

2.2. Giai đoạn vận hành

Hoạt động của Dự án phát sinh nước thải sinh hoạt, nước mưa chảy tràn, chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại, có nguy cơ xảy ra sự cố cháy nổ, chập điện, sự cố hư hỏng các hạng mục công trình bảo vệ môi trường.

3. Dự báo các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh theo các giai đoạn của dự án đầu tư

3.1. Nước thải, khí thải

3.1.1. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của nước thải

3.1.1.1. Giai đoạn chuẩn bị, thi công xây dựng

- Hoạt động của công nhân xây dựng phát sinh nước thải sinh hoạt với thông số ô nhiễm đặc trưng: TSS, BOD₅, sunfua, amoni, nitrat, dầu mỡ động thực vật, tổng các chất hoạt động bề mặt, phosphat, coliforms. Lưu lượng nước thải sinh hoạt phát sinh tại khu vực thi công các hạng mục công trình của Dự án như sau:

+ Công trình 1, 2, 3, 4 và 5: Nước thải sinh hoạt phát sinh với lưu lượng khoảng 0,8 m³/ngày/công trình.

+ Công trình 6 và 7: Nước thải sinh hoạt phát sinh với lưu lượng khoảng 0,4 m³/ngày/công trình.

- Hoạt động rửa nguyên vật liệu xây dựng, rửa các dụng cụ, thiết bị thi công cơ

giới phục vụ xây dựng tại các công trình phát sinh nước thải thi công với thông số ô nhiễm đặc trưng là TSS. Lưu lượng nước thải thi công phát sinh tại khu vực thi công các hạng mục công trình của Dự án như sau:

- + Hoạt động trộn bê tông mặt đường và tưới ẩm bê tông khoảng 0,2 m³/ngày.
- + Hoạt động trộn vữa, xi măng, vệ sinh dụng cụ trong quá trình thi công các công trình 2, 3, 4, 5, 6 và 7 phát sinh khoảng 0,2 m³/ngày/công trình.

3.1.1.2. Giai đoạn vận hành

Hoạt động sinh hoạt của cán bộ chiến sỹ tại các khu nhà ở, làm việc của Dự án phát sinh nước thải sinh hoạt với thông số ô nhiễm đặc trưng: TSS, BOD₅, sunfua, amoni, nitrat, dầu mỡ động thực vật, tổng các chất hoạt động bề mặt, phosphat, coliforms. Lưu lượng nước thải phát sinh tại các hạng mục công trình của Dự án như sau:

- Công trình 1 không phát sinh nước thải.
- Công trình 2 với lưu lượng phát sinh khoảng 0,16 m³/ngày.
- Công trình 3, 4, 5, 6 và 7 với lưu lượng phát sinh khoảng 0,8 m³/ngày/công trình.

3.1.2. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của khí thải

3.1.2.1. Giai đoạn chuẩn bị, thi công xây dựng

Hoạt động dọn dẹp mặt bằng, san nền, phá dỡ các công trình hiện hữu, thi công xây dựng, bốc xếp, tập kết nguyên vật liệu, vận chuyển nguyên vật liệu thi công tại mỗi khu vực thi công các hạng mục công trình của Dự án phát sinh bụi, khí thải với thông số ô nhiễm đặc trưng: Bụi, SO₂, NO_x, CO. Lưu lượng khí thải phát sinh tại các khu vực thi công các hạng mục công trình của Dự án cụ thể như sau:

- Công trình 1: Hoạt động của xà lan và cầu sử dụng lắp đặt cầu kiện phát sinh khí thải với lưu lượng khoảng 0,0094 mg/m³.
- Công trình 2: Hoạt động vận chuyển vật liệu phát sinh bụi với lưu lượng khoảng 0,25 kg/ngày; hoạt động đào đắp và hoạt động của các phương tiện thi công cơ giới sử dụng dầu DO phát sinh khí thải với tải lượng khoảng 0,0016 mg/m³.
- Công trình 3: Hoạt động vận chuyển vật liệu phát sinh bụi với lưu lượng khoảng 0,25 kg/ngày; hoạt động đào đắp và hoạt động của các phương tiện thi công cơ giới sử dụng dầu DO phát sinh khí thải với tải lượng khoảng 0,006 mg/m³.
- Công trình 4: Hoạt động vận chuyển vật liệu phát sinh bụi với lưu lượng khoảng 0,25 kg/ngày; hoạt động đào đắp và hoạt động của các phương tiện thi công cơ giới với tải lượng sử dụng dầu DO phát sinh khí thải với tải lượng khoảng 0,0016 mg/m³.
- Công trình 5, 6 và 7: Hoạt động thi công không phát sinh bụi, khí thải.

3.1.2.2. Giai đoạn vận hành: Không phát sinh khí thải.

3.2. Chất thải rắn, chất thải nguy hại

3.2.1. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của chất thải rắn sinh hoạt, chất

thải rắn thông thường

3.2.1.1. Giai đoạn chuẩn bị, thi công xây dựng

- Hoạt động sinh hoạt của công nhân trên công trình thi công phát sinh chất thải rắn sinh hoạt với khối lượng khoảng 04 kg/ngày/công trình. Thành phần chủ yếu gồm: Các loại bao bì, túi nilon, chai nước, đồ hộp, thực phẩm thừa.

- Hoạt động dọn dẹp mặt bằng thi công tại 07 công trình phát sinh sinh khối với tổng khối lượng khoảng 53,0 m³. Thành phần chủ yếu gồm: Chất thải thực bì, cây cỏ, cành lá. Trong đó, sinh khối phát sinh từ hoạt động thi công các hạng mục công trình của Dự án như sau:

- + Công trình 1, 6 và 7: Không phát sinh.
- + Công trình 2, 4: Khoảng 20 m³/công trình.
- + Công trình 3: Khoảng 10 m³.
- + Công trình 5: Khoảng 03 m³.

- Hoạt động thi công, xây dựng các hạng mục công trình của Dự án phát sinh chất thải rắn thông thường với thành phần chủ yếu gồm: Bao bì carton, vữa tô trát, vỏ bao xi, gạch vỡ, bê tông thừa. Khối lượng chất thải rắn thông thường phát sinh tại khu vực thi công các hạng mục công trình của Dự án như sau:

- + Công trình 1, 2, 3 và 5: Khoảng 20 kg/ngày/công trình.
- + Công trình 4: Khoảng 30 kg/ngày.
- + Công trình 6: Khoảng 15 kg/ngày.
- + Công trình 7: Khoảng 10 kg/ngày.

3.2.1.2. Giai đoạn vận hành

Hoạt động sinh hoạt của cán bộ chiến sĩ phát sinh chất thải rắn sinh hoạt tại các hạng mục công trình của Dự án với thành phần chủ yếu gồm: Các chất hữu cơ dễ phân huỷ (rau thừa, vỏ hoa quả, thức ăn thừa) và các chất khó phân huỷ như: Bao bì, hộp đựng thức ăn, đồ uống bằng nilon, thủy tinh, kim loại. Khối lượng phát sinh chất thải rắn sinh hoạt tại các hạng mục công trình của Dự án như sau:

- Công trình 1: Không phát sinh.
- Công trình 2: Khoảng 0,8 kg/ngày.
- Công trình 3, 4, 5, 6 và 7: Khoảng 04 kg/ngày/công trình.

3.2.2. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của chất thải nguy hại

3.2.2.1. Giai đoạn chuẩn bị, thi công xây dựng

Chất thải nguy hại phát sinh từ quá trình thi công các hạng mục công trình của Dự án với thành phần chủ yếu là dầu nhớt tổng hợp thải; giẻ lau, găng tay nhiễm thành phần nguy hại; thùng chứa dầu nhớt. Khối lượng chất thải nguy hại phát sinh từ quá trình thi công các hạng mục công trình của Dự án như sau:

- Công trình 1: Khoảng 02 kg/tháng.
- Công trình 2, 3, 4 và 5: Khoảng 01 kg/ngày/công trình.

- Công trình 6, 7: Không phát sinh chất thải nguy hại.

3.2.2.2. Giai đoạn vận hành

Chất thải nguy hại phát sinh từ hoạt động vận hành tại các hạng mục công trình của Dự án với khối lượng và thành phần như sau:

- Công trình 1, 3, 4 và 5: Không phát sinh chất thải nguy hại.
- Công trình 2: Phát sinh chất thải nguy hại với khối lượng khoảng 02 kg/tháng. Thành phần chủ yếu là giẻ lau dầu mỡ.
- Công trình 6: Phát sinh chất thải nguy hại với khối lượng khoảng 06 kg/tháng. Thành phần chủ yếu là bông băng, kim tiêm, găng tay, giẻ lau nhiễm thành phần nguy hại.
- Công trình 7: Phát sinh chất thải nguy hại với khối lượng khoảng 02 kg/tháng. Thành phần chủ yếu phát sinh là bông băng, kim tiêm, găng tay, giẻ lau nhiễm thành phần nguy hại.

3.3. Tiếng ồn, độ rung

3.3.1. Giai đoạn chuẩn bị, thi công xây dựng

- Hoạt động vận hành các máy móc, thiết bị tham gia thi công xây dựng và hoạt động của các phương tiện vận tải vận chuyển nguyên vật liệu phục vụ thi công các hạng mục công trình của Dự án (Xe tải, máy trộn bê tông, máy đầm) phát sinh tiếng ồn với mức ồn, độ rung phổ biến nhỏ hơn 65 - 75dBA.
- Hoạt động của máy trộn bê tông thủ công và cầu lắp ghép cấu kiện kè tại công trình 1 phát sinh tiếng ồn.
- Hoạt động thi công các hạng mục tại công trình 2, 3, 4, 5, 6 và 7 bằng phương pháp thủ công giảm thiểu tiếng ồn.

3.3.2. Giai đoạn vận hành

Hoạt động của các phương tiện đi lại của cán bộ công nhân viên của đơn vị phát sinh tiếng ồn với mức ồn, độ rung phổ biến nhỏ hơn 65 - 75dBA.

3.4. Các tác động khác

3.4.1. Giai đoạn chuẩn bị, thi công xây dựng

- Tác động từ nước mưa chảy tràn với thông số ô nhiễm đặc trưng là TSS tại các công trình như sau:
 - + Công trình 1 với lưu lượng khoảng 0,03 m³/s.
 - + Công trình 2, 3, 4, 5, 6 và 7 với lưu lượng khoảng 0,01 m³/s/công trình.
- Hoạt động thi công tuyến kè ảnh hưởng đến các rạn san hô gần bờ (cách bờ 30 m) và các loại thủy sản, sinh vật biển ven bờ trong quá trình tạo mặt bằng chân kè, lắp ghép cấu kiện bê tông ở chân kè.
- Hoạt động vận chuyển nguyên vật liệu có khả năng gây hư hại đường giao thông; ảnh hưởng tới hoạt động giao thông đường bộ trong Đoàn KTQP 516.

3.4.2. Giai đoạn vận hành

Khi công trình trạm xăng dầu đi vào hoạt động có khả năng tiềm ẩn nguy cơ cháy nổ tại khu vực cảng quân sự Kỳ Hà.

4. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của Dự án

4.1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải, khí thải

4.1.1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải

4.1.1.1. Giai đoạn chuẩn bị, thi công xây dựng

- Đối với nước thải sinh hoạt tại 07 công trình của Dự án: Theo thực tế, bố trí từ 02 đến 03 nhà vệ sinh di động/công trình có dung tích bể chứa 0,5 m³/nhà vệ sinh để thu gom toàn bộ nước thải sinh hoạt phát sinh, định kỳ chuyển giao cho đơn vị có chức năng thu gom, xử lý.

Quy trình xử lý: Nước thải sinh hoạt → Nhà vệ sinh di động (dung tích 0,5 m³/nhà vệ sinh định, kỳ chuyển giao cho đơn vị chức năng vận chuyển, xử lý theo quy định.

- Đối với nước thải thi công tại 07 công trình của Dự án: Bố trí tại vị trí thi công mỗi công trình của Dự án 01 hố lắng kích thước L x B x H khoảng (2,0 x 1,5 x 1,2) m để thu gom, lắng cặn nước thải từ quá trình rửa các dụng cụ thi công xây dựng, rửa nguyên vật liệu. Nước thải sau khi lắng cặn được tái sử dụng để vệ sinh bánh xe, làm ẩm vật liệu thi công trước khi vận chuyển, không xả thải ra ngoài môi trường.

Quy trình xử lý: Nước thải → Hố lắng cặn → Tái sử dụng để vệ sinh bánh xe, làm ẩm vật liệu thi công trước khi vận chuyển.

4.1.1.2. Giai đoạn vận hành

- Nước thải sinh hoạt phát sinh tại các công trình 2, 3, 4, 5, 6, 7 được thu gom vào bể tự hoại sau đó được đưa về bể chứa có dung tích 05 m³, định kỳ chuyển giao cho đơn vị chức năng vận chuyển, xử lý theo quy định.

- Quy trình xử lý: Nước thải sinh hoạt → Nhà vệ sinh → Bể tự hoại → Bể chứa có dung tích 05 m³, định kỳ chuyển giao cho đơn vị chức năng vận chuyển, xử lý theo quy định..

4.1.1.3. Yêu cầu về bảo vệ môi trường

- Thu gom, quản lý toàn bộ lượng nước thải sinh hoạt và nước thải thi công xây dựng phát sinh đảm bảo đáp ứng các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 và các quy định pháp luật khác có liên quan.

- Đảm bảo đáp ứng các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định tại Luật Bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan.

4.1.2. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý bụi, khí thải

4.1.2.1. Giai đoạn chuẩn bị, thi công xây dựng

- Yêu cầu các đơn vị tham gia thi công xây dựng Dự án thực hiện các biện

pháp tổ chức thi công phù hợp, xây dựng nội quy đối với công nhân và nhà thầu thi công xây dựng tuân thủ các quy định về an toàn, bảo vệ môi trường.

- Tưới nước dập bụi và tạo độ ẩm tại những khu vực phát sinh nhiều bụi (các tuyến đường vận chuyển, các công trình thi công) với tần suất tưới nước 3 - 5 lần/ngày vào những ngày không mưa, tăng tần suất trong mùa khô.

- Trang bị đầy đủ các dụng cụ bảo hộ lao động cần thiết cho công nhân như khẩu trang, mũ, ủng, quần áo bảo hộ lao động trong khi làm việc để bảo đảm an toàn và sức khỏe cho người công nhân lao động.

- Thường xuyên bảo dưỡng máy móc, thiết bị trong quá trình thi công đảm bảo các phương tiện, thiết bị luôn hoạt động tốt để giảm thiểu tối đa lượng khí thải phát sinh.

4.1.2.2. Giai đoạn vận hành: Không phát sinh bụi khí thải.

4.1.2.3. Yêu cầu về bảo vệ môi trường

Thực hiện các biện pháp giảm thiểu tác động của bụi, khí thải phát sinh trong các giai đoạn của Dự án; thực hiện các biện pháp giảm thiểu tác động của bụi, khí thải; bảo đảm môi trường không khí xung quanh trong các giai đoạn của Dự án luôn nằm trong giới hạn cho phép theo quy định tại QCVN 05:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí.

4.2. Các công trình, biện pháp quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại

4.2.1. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý chất thải rắn thông thường

4.2.1.1. Giai đoạn chuẩn bị, thi công xây dựng

- Chất thải rắn từ quá trình thu dọn mặt bằng: Đối với đất, đá, đầu mẩu gạch vỡ được sử dụng để san lấp mặt bằng trong Dự án, phần còn lại (không tận dụng được) được thu gom và chuyển giao cho đơn vị có chức năng vận chuyển, xử lý.

- Đối với các chất thải thi công: Vỏ bao xi măng, đầu mẩu thép được thu gom chuyển giao cho đơn vị có chức năng để tái chế.

- Đối với các loại chất thải không có khả năng tái sử dụng, tái chế được thu gom và chuyển giao cho đơn vị có chức năng vận chuyển, xử lý.

- Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh từ hoạt động của cán bộ công nhân viên phục vụ Dự án được thu gom vào các thùng rác (loại dung tích 50 lít) có nắp đậy và hợp đồng với các đơn vị có chức năng vận chuyển, xử lý theo quy định.

4.2.1.2. Giai đoạn vận hành

- Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh tại khu vực công cộng: Bố trí tại mỗi công trường thi công 02 thùng rác dung tích 50 lít/thùng có nắp đậy, chuyển giao cho đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý hàng ngày theo quy định.

- Sau khi hoàn thành Dự án, Chủ dự án sẽ bàn giao các công trình công cộng, hạ tầng kỹ thuật cho địa phương quản lý. Địa phương sẽ giao cho đơn vị chuyên trách đảm nhận quản lý hoạt động thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn thông thường. Các công trình sẽ được bàn giao, gồm:

+ Công trình kè kết hợp với đường giao thông từ cầu cảng đi âu thuyền xã Tân Hiệp.

+ Trạm Y tế xã Nhơn Châu.

+ Phòng khám đa khoa quân dân Y kết hợp xã Tân Hiệp.

+ Nhà dân quân biển xã Tam Quang.

4.2.1.3. Yêu cầu về bảo vệ môi trường

Thu gom toàn bộ các loại chất thải rắn sinh hoạt và chất thải rắn thông thường phát sinh trong quá trình thực hiện Dự án đảm bảo các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường (sau đây viết tắt là Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT) và các quy định khác có liên quan.

4.2.2. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại

4.2.2.1. Giai đoạn chuẩn bị, thi công xây dựng

Chất thải nguy hại (CTNH) phát sinh tại các công trình 2, 3, 4, 5 được thu gom, phân loại, chứa trong 04 thùng chứa loại 20 lít/thùng có nắp đậy, dán mã CTNH tương ứng và lưu giữ chung tại khu lưu giữ CTNH tạm thời diện tích 03 m² của Đoàn kinh tế Quốc phòng 516 (có mái che, tường bằng tôn, nền bê tông chống thấm, có biển cảnh báo khu vực lưu giữ CTNH theo quy định). Hợp đồng với đơn vị có chức năng để thu gom, vận chuyển, xử lý.

4.2.2.2. Giai đoạn vận hành

- Chất thải y tế nguy hại phát sinh từ hoạt động vận hành Trạm y tế xã Nhơn Châu (công trình 7) được thu gom 03 thùng chứa CTNH tại Trạm và chuyển giao cho Trung tâm y tế Quy Nhơn xử lý theo quy định;

- Chất thải y tế nguy hại phát sinh từ hoạt động tại Phòng Khám đa khoa Quân dân Y kết hợp xã Tân Hiệp (công trình 6) được thu gom 03 thùng chứa CTNH tại Phòng khám và chuyển giao cho đơn vị chức năng xử lý theo quy định;

- CTNH phát sinh từ hoạt động vận hành công trình Trạm xăng dầu (công trình 2) được thu gom 03 thùng chứa CTNH và chuyển giao cho đơn vị chức năng xử lý theo quy định.

4.2.2.3. Yêu cầu về bảo vệ môi trường

Thu gom, xử lý các loại CTNH phát sinh trong quá trình thực hiện Dự án đảm bảo các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 và các quy định khác có liên quan.

4.3. Công trình, biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung

4.3.1. Giai đoạn chuẩn bị, thi công xây dựng

- Lựa chọn đơn vị thi công có thiết bị và phương tiện thi công cơ giới hiện đại có kỹ thuật cao; sử dụng các thiết bị, máy móc thi công được đăng kiểm đạt yêu cầu, không sử dụng các thiết bị cũ, lạc hậu có khả năng gây ồn cao.

- Thường xuyên duy tu bảo dưỡng các thiết bị máy móc; trang bị phương tiện bảo hộ lao động để chống ồn cho công nhân.

- Không vận hành thiết bị máy móc có độ ồn cao trong khoảng thời gian từ 11h30 - 13h00 và từ 22h00 - 6h00 tại vị trí thi công gần khu dân cư.

4.3.2. Giai đoạn vận hành: Không phát sinh tiếng ồn độ rung.

4.3.3. Yêu cầu về bảo vệ môi trường

Tuân thủ QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, đảm bảo các điều kiện an toàn, vệ sinh môi trường trong quá trình thực hiện Dự án.

4.4. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác

4.4.1. Nước mưa chảy tràn

a. Giai đoạn chuẩn bị, thi công xây dựng

- Công trình 1 đào các mương tạm thoát nước xung quanh khu bãi tập kết vật liệu và lán trại thi công thu gom, lắng và thoát nước mưa đồng thời kết nối với các mương thoát nước bên ngoài công trường. Bố trí hệ thống rãnh thoát nước mưa tạm thời với kích thước chiều rộng 0,3 m, chiều sâu 0,3 m, hố lắng kích thước 2 x 1,5 x 1,2 (m); vệ sinh mặt bằng thi công cuối ngày làm việc, thu gom rác thải nhằm giảm thiểu sự xâm nhập các tác nhân ô nhiễm đến nước mưa chảy tràn.

- Các công trình 2, 3, 4, 5, 6 và 7: Đào các mương thoát nước tạm xung quanh khu vực thi công để thu gom, lắng và thoát nước mưa đồng thời kết nối với các mương thoát nước bên ngoài Dự án. Nước mưa sau các hố lắng chảy vào hệ thống thoát nước chung của khu vực. Bố trí hệ thống rãnh thoát nước mưa tạm thời với kích thước chiều rộng 0,3 m, chiều sâu 0,3 m, hố lắng kích thước 2 x 1,5 x 1,2 (m); vệ sinh mặt bằng thi công cuối ngày làm việc, thu gom rác thải nhằm giảm thiểu sự xâm nhập các tác nhân ô nhiễm đến nước mưa chảy tràn.

Quy trình: Nước mưa chảy tràn → Rãnh thoát nước tạm → Hố lắng → Hệ thống thoát nước mưa của khu vực.

b. Giai đoạn vận hành

- Công trình 1 nước mưa được thu gom vào hệ thống thoát nước bên lề kè sau đó chuyển đến các hố ga của kè và đưa vào mương thoát nước chung khu vực.

Công trình 2, 3, 4, 5, 6 và 7 nước mưa được thu gom bằng các tuyến kênh bê tông cốt thép có kích thước 40 x 60 (cm) được thiết kế riêng biệt với hệ thống thu gom nước thải, sau đó được thu gom về hệ thống thoát nước mưa hiện hữu.

Quy trình: Nước mưa chảy tràn → Hệ thống rãnh quanh nhà → Hố ga →

Tuyển thoát nước mưa hiện hữu.

4.4.2. Công trình, biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố

a. Giai đoạn chuẩn bị, thi công xây dựng

Tổ chức học tập, huấn luyện về công tác an toàn lao động cho toàn bộ cán bộ, công nhân tham gia. Trang bị đầy đủ bảo hộ lao động, các thiết bị ứng phó kịp thời với sự cố xảy ra đặc biệt là hiện tượng thời tiết cực đoan trên biển. Không được mang chất dễ cháy, chất nổ vào công trình; dùng điện phải theo đúng các quy định về an toàn điện. Các loại vật tư dễ cháy để riêng, sắp xếp theo đúng quy định.

b. Giai đoạn vận hành

Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố cháy nổ, chập điện: Tuân thủ các quy định về phòng cháy chữa cháy cho các công trình; trạm xăng tại cảng quân sự Kỳ Hà phải tuân thủ theo quy định chống cháy nổ đã được phê duyệt tại Quyết định số 730/CHCN-CS ngày 27 tháng 11 năm 2023 của Cục cứu hộ - Cứu nạn, Bộ Quốc phòng.

4.4.3. Các biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường tác động tới rạn san hô tại đảo Cù Lao Chàm

- Tuân thủ nghiêm ngặt các biện pháp thi công theo hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công công trình kè kết hợp đường giao thông Cù Lao Chàm; không sử dụng đá tự nhiên tại Cù Lao Chàm để làm vật liệu xây dựng; giữ lại những ghềnh đá tự nhiên, những khối đá lớn, vật thể, cây cối tự nhiên và các giá trị cảnh quan đang có để mang lại hiệu quả cao hơn về môi trường, cảnh quan.

- Phối hợp với Ủy ban nhân dân xã Tân Hiệp, Ban Quản lý Khu Bảo tồn biển Cù Lao Chàm trao đổi các thông tin, các giải pháp xử lý kịp thời tại hiện trường; tuân thủ các quy định về công tác bảo vệ môi trường, bảo tồn đa dạng sinh học rừng và biển tại Cù Lao Chàm.

- Sử dụng vật liệu thân thiện với môi trường như đá hộc, bê tông đúc sẵn; hạn chế sử dụng vật liệu kim loại, bê tông cốt thép truyền thống để giảm thiểu nguy cơ rò rỉ hóa chất độc hại ra môi trường nước biển.

- Áp dụng kỹ thuật thi công không gây rung động; sử dụng biện pháp thủ công đào rãnh, nền móng cẩn thận, tránh khuấy đục nước biển; xây dựng kè bằng các cấu kiện lắp ghép sẵn để giảm thiểu thời gian thi công, hạn chế tác động môi trường.

- Lập kế hoạch thi công chi tiết, có biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố tràn thải vật liệu, hóa chất ra môi trường biển; theo dõi chất lượng nước biển thường xuyên trong quá trình thi công và sau khi hoàn thành công trình.

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của Chủ dự án

5.1. Chương trình giám sát môi trường trong giai đoạn thi công, xây dựng

5.1.1. Giám sát môi trường nước biển

- Vị trí giám sát: 01 vị trí tại công trình kè kết hợp đường giao thông xã Tân Hiệp (Cù Lao Chàm) - Thành phố Hội An.

- Thông số giám sát: Độ đục (TSS).

- Tần suất: 03 tháng/lần.

- Quy chuẩn áp dụng: QCVN 10:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước biển.

5.1.2. Giám sát chất thải rắn, chất thải nguy hại

- Thực hiện phân loại, thu gom các loại chất thải sinh hoạt, chất thải rắn thông thường và CTNH theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường và các quy định khác có liên quan.

- Định kỳ chuyển giao chất thải sinh hoạt, chất thải rắn thông thường và CTNH cho đơn vị có đủ chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định.

5.2. Chương trình giám sát môi trường trong giai đoạn vận hành

- Thực hiện phân loại, thu gom các loại chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường và CTNH theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường và các quy định khác có liên quan.

- Định kỳ chuyển giao chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường và CTNH cho đơn vị có đủ chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định.

6. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác

Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện nghiêm túc các yêu cầu khác về bảo vệ môi trường như sau:

- Phối hợp với chính quyền địa phương thực hiện công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng theo quy định của pháp luật; chỉ thực hiện thi công Dự án sau khi Chủ dự án hoàn thành đầy đủ các thủ tục pháp lý theo quy định của pháp luật; tuân thủ các tiêu chuẩn, quy chuẩn, quy phạm kỹ thuật và các quy định của pháp luật hiện hành trong quá trình thẩm định, phê duyệt thiết kế và thi công xây dựng các hạng mục công trình của Dự án; đảm bảo quy hoạch đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt.

- Áp dụng các biện pháp kỹ thuật và tổ chức thi công phù hợp để hạn chế tối đa các tác động xấu đến cảnh quan, môi trường, hệ sinh thái, các công trình xây dựng và đời sống kinh tế, xã hội của cộng đồng dân cư trong quá trình thi công xây dựng, vận hành các hạng mục công trình của Dự án.

- Thực hiện, giám sát, quản lý chặt chẽ, đảm bảo toàn bộ chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại phát sinh từ các hoạt động của Dự án đều được thu gom, xử lý, đáp ứng các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, các văn bản pháp luật có liên quan; thực hiện các biện pháp quản lý, kỹ thuật bảo đảm các yêu cầu về an toàn vệ sinh môi trường trong quá trình thu gom, vận chuyển và các yêu cầu khác của địa phương theo quy định.

- Lập kế hoạch cụ thể, chi tiết và thực hiện nghiêm túc các biện pháp quản lý và kỹ thuật để phòng ngừa, ứng phó các sự cố tai nạn lao động, cháy, nổ và các rủi ro và sự cố môi trường khác trong giai đoạn thi công và vận hành Dự án; chủ động phòng ngừa, ứng phó với các điều kiện thời tiết cực đoan để đảm bảo an toàn cho người, phương tiện và các công trình khu vực Dự án.

- Thực hiện chương trình giám sát môi trường và các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác như đã đề xuất; cập nhật, lưu giữ số liệu giám sát để cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường kiểm tra khi cần thiết.

- Đảm bảo khoảng cách an toàn môi trường của Dự án đến các đối tượng xung quanh đáp ứng theo quy định pháp luật hiện hành về bảo vệ môi trường.

- Đảm bảo kinh phí để thực hiện các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường và chương trình quan trắc, giám sát môi trường.

- Phối hợp chặt chẽ với Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Nam, Bình Định; Ban Quản lý bảo tồn biển Cù Lao Chàm trong quá trình thực hiện Dự án và bảo đảm các yêu cầu về bảo vệ môi trường.

- Đảm bảo tính chính xác và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các thông tin, số liệu và kết quả tính toán trong báo cáo đánh giá tác động môi trường, đặc biệt là kết quả quan trắc môi trường, kết quả tham vấn, danh sách các thành viên tham gia lập báo cáo đánh giá tác động môi trường.

- Đề bù, khắc phục sự cố môi trường nếu để xảy ra sự cố môi trường trong quá trình thực hiện Dự án theo quy định của pháp luật hiện hành./.

